

Bản án số: **66/2025/DS-ST**

Ngày: 08 – 5 - 2025

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh
2. Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 72/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Phụng D, sinh ngày 06/12/1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: Lê Thị P, sinh ngày 20/4/1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Võ Thanh D, sinh ngày 27/01/1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 18/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Phụng D trình bày:

Bà là hụi viên có trực tiếp tham gia chơi trong 04 dây hụi, hụi tháng khui 01 lần do bà Lê Thị P làm chủ hụi. Việc chơi hụi, đóng tiền hụi sống, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản ký xác nhận, bà P chỉ đánh máy vi tính danh sách hụi viên, ngày khui hụi, mệnh giá hụi, số người chơi hụi rồi phát cho các hụi viên chơi mỗi người 01 tờ. Hình thức chơi hụi là ai bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng. 04 dây hụi bà tham gia chơi chưa hốt hụi (Chỉ đóng hụi sống) thì bà P tuyên bố bế hụi năm đầu năm 2024 đến nay chưa có trả tiền hụi cho bà. 04 dây hụi bà tham gia chơi cụ thể như sau:

+ **Dây hụi thứ 1:** Khai vào ngày 20/3/2022 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 27 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Dây hụi này bà đóng được 24 phần hụi sống thì bà P tuyên bố bẻ hụi. Dây hụi này bà P nợ bà tiền hụi sống chưa trả số tiền là 48.000.000 đồng (24 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng).

+ **Dây hụi thứ 2:** Khai vào ngày 15/11/2022 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 25 phần, bà tham gia chơi 01 phần. Dây hụi này bà đóng được 17 phần hụi sống thì bà P tuyên bố bẻ hụi. Ngoài ra, dây hụi này bà có mua 03 phần hụi do bà P, chủ hụi bán cho bà. Dây hụi này bà P nợ bà tiền hụi sống chưa trả số tiền là 68.000.000 đồng (17 phần x 04 phần x 1.000.000 đồng).

+ **Dây hụi thứ 3:** Khai vào ngày 25/01/2023 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 23 phần. Dây hụi này bà mua 05 phần do do bà P, chủ hụi bán cho bà với số tiền mua hụi là 75.900.000 đồng.

+ **Dây hụi thứ 4:** Khai vào ngày 15/02/2023 âm lịch, có mệnh giá 500.000 đồng, dây hụi có 26 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Dây hụi này bà đóng được 13 phần hụi sống thì bà P tuyên bố bẻ hụi. Dây hụi này bà P nợ bà tiền hụi sống chưa trả số tiền là 13.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi nêu trên bà đã đóng hụi sống và dây hụi mua số tiền là 204.900.000 đồng.

Bà Nguyễn Phụng Duy khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Lê Thị P và ông Võ Thanh D phải liên đới trả cho bà số tiền nợ góp hụi là 204.900.000 đồng và tiền lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ngày 28/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Ngày 20/11/2024 bà Nguyễn Phụng D có đơn sửa đổi bổ sung, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Lê Thị P và ông Võ Thanh D phải liên đới trả cho bà số tiền nợ góp hụi là 194.900.000 đồng và tiền lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 05/06/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Ngày 04/5/2025 bà Lê Thị P có trả cho bà D số tiền hụi 2.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 192.900.000 đồng.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 18/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Lê Thị P trình bày:

Bà thừa nhận bà Nguyễn Phụng D có tham gia chơi hụi, mua hụi trong các dây hụi mà bà D trình bày là hoàn toàn đúng do bà làm chủ hụi. Mua bán hụi, bà là người bán, nhận tiền bán hụi và bà D là người mua hụi, đưa tiền. Việc chơi hụi, bán hụi có lập thành giấy tay do bà làm và phát cho hụi viên. 04 dây hụi bà D chơi và mua hụi số tiền cụ thể như sau:

+ **Dây hụi thứ 1:** Khai vào ngày 20/3/2022 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 27 phần. Dây hụi này bà D không có tham gia chơi hụi mà mẹ bà D là bà Sáu B chơi 01 phần đóng được 24 phần, bà D mua 01 phần hụi với giá là 19.020.000 đồng. Bà đồng ý và chấp nhận trả cho bà D số tiền nợ dây hụi này cho bà D là 48.000.000 đồng.

+ **Dây hụi thứ 2:** Khai vào ngày 15/11/2022 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 25 phần, bà D tham gia chơi 01 phần. Dây hụi này bà D đóng được 17 phần hụi sống thì bẻ hụi. Ngoài ra, dây hụi này bà D có mua 03 phần hụi với giá là 48.750.000 đồng. Bà đồng ý và chấp nhận trả cho bà D số tiền nợ dây hụi này cho bà D là 65.750.000 đồng.

+ **Dây hụi thứ 3:** Khai vào ngày 25/01/2023 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 23 phần. Dây hụi này bà mua 05 phần, do bà P chủ hụi bán cho bà D với số tiền mua hụi là 75.900.000 đồng.

+**Dây hụi thứ 4:** Khai vào ngày 15/02/2023 âm lịch, có mệnh giá 500.000 đồng, dây hụi có 26 phần, bà tham gia chơi 02 phần. Dây hụi này bà đóng được 13 phần hụi sống thì bà P tuyên bố bể hụi. Dây hụi này bà đồng ý và chấp nhận trả cho bà D số tiền hụi 13.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi nêu trên số tiền hụi bà nợ bà D là 202.650.000 đồng. Bà D trình bày 04 dây hụi nêu trên bà còn nợ số tiền hụi là 204.900.000 đồng. Bà vẫn đồng ý và chấp nhận. Ngày 14/7/2024, bà có trả cho bà D số tiền hụi là 10.000.000 đồng (Mẹ bà D nhận). Ngày 04/5/2025 vợ chồng bà có trả cho bà D số tiền hụi 2.000.000 đồng. Hiện nay bà thừa nhận còn nợ bà D số tiền hụi chưa trả là 192.900.000 đồng. Bà xin được trả dần số tiền nợ hụi này hàng tháng là 2.000.000 đồng đến khi hết nợ, xin không trả lãi suất vì kinh tế khó khăn, hiện vợ chồng còn nợ nhiều người.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 18/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh D trình bày:

Ông thừa nhận hiện nay, vợ chồng ông còn nợ bà Nguyễn Phượng D số tiền hụi chưa trả là 192.900.000 đồng. Ông đồng ý liên đới cùng bà Lê Thị P trả tiền nợ hụi cho bà D nhưng xin được trả dần số tiền nợ hụi này hàng tháng là 2.000.000 đồng đến khi hết nợ do hoàn cảnh khó khăn, xin không trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phượng D yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị P và ông Võ Thanh D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền nợ hụi 192.900.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa án sơ thẩm hôm nay, bà Lê Thị P và ông Võ Thanh D đã hoàn toàn thừa nhận, bà P là chủ hụi, bà D là hụi viên và có mua hụi bà P bán của 04 dây hụi nêu trên và hoàn toàn thừa nhận hiện nay còn nợ bà D số tiền hụi chưa trả là 192.900.000 đồng. Bà P và ông D đồng ý và chấp nhận trả số tiền nợ hụi này cho bà D nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà D không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền nợ hụi này đến nay bà P và ông D chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên nên nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Xét yêu cầu trả lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 05/06/2024 (Ngày bà D nộp đơn khởi kiện Tòa án) cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/5/2025. Đây là yêu cầu phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi suất bà P và ông D phải trả cho nguyên đơn bà D được tính như sau:

$192.900.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 11 \text{ tháng} = 17.611.800 \text{ đồng}.$

[1.3] Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất bà P và ông D phải trả cho nguyên đơn bà D là 210.511.800 đồng (Gồm tiền nợ gốc 192.900.000 đồng, tiền lãi suất 17.611.800 đồng).

[1.4] Nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà P và ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hụi nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà P và ông D đã đồng ý cùng liên đới trả nợ cho bà D nên Hội đồng xét xử công nhận. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà P và ông D cùng liên đới trả tiền nợ hụi nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà P xin trả dần số tiền nợ nêu trên hằng tháng là 2.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn bà D chấp nhận và các bên cũng không có thỏa thuận này, đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà P và ông D phải liên đới chịu án phí là:

$210.511.800 \text{ đồng} \times 5\% = 10.525.600 \text{ đồng}$ (Mười triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 92, 233 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biên, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phượng D đối với bà Lê Thi P và ông Võ Thanh D.

2. Buộc bà Lê Thị P và ông Võ Thanh D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Phượng D số tiền 210.511.800 đồng (Hai trăm mười triệu năm trăm mười một nghìn tám trăm đồng) (Gồm nợ gốc 192.900.000 đồng, tiền lãi suất 17.611.800 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị P và ông Võ Thanh D phải liên đới chịu 10.525.600 đồng (Mười triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Phượng D 5.422.500 đồng (Năm triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0004137 ngày 28/10/2024, 0006968 ngày 27/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương